

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÓC MÔN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 890/2024/DS-ST

Ngày 24-9-2024

V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Liên
- Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 793/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 395/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N3

Địa chỉ: B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phó Đức M, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: A L, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trương Công D, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 8 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Ngọc Anh T, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

3.2. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

3.3. Bà Trương Ngọc Anh V, sinh năm: 2002 (vắng mặt)

3.4. Ông Trương Văn L, sinh năm: 1957 (vắng mặt)

3.5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

3.6. Ông Trương Minh L2, sinh năm; 1980 (vắng mặt)

- 3.7. Ông Trương Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 2002 (vắng mặt)
- 3.8. Ông Đoàn Thanh T2, sinh năm: 1990 (vắng mặt)
- 3.9. Ông Trương Văn N, sinh năm: 1967 (vắng mặt)
- 3.10. Bà Trương Thị Nguyệt Á, sinh năm: 1998 (vắng mặt)
- 3.11. Bà Hà Thị P, sinh năm: 1970 (vắng mặt)
- 3.12. Trương Nam T3, sinh năm: 2016 (vắng mặt)
- 3.13. Du Kim P1, sinh năm: 2012 (vắng mặt)
- 3.14. Trương Anh T4, sinh năm: 2020 (vắng mặt)
- 3.15. Bà Trương Thị Ánh N1, sinh năm: 1992 (vắng mặt)
- 3.16. Du Bội O, sinh năm: 2009 (vắng mặt)
- 3.17. Du Bảo N2, sinh năm 2011 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 8 ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03.8.2023, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Công D vay vốn tại Ngân hàng N3 - Chi nhánh H - Phòng G theo hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 6140-LAV-202100536 ngày 23/04/2021.
- Số tiền cho vay: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng.
- Dư nợ hiện tại: 264.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng).
- Mục đích vay: Tiêu dùng, sửa chữa nhà ở và mua sắm dụng cụ gia đình.
- Lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 10,5%/năm; Lãi quá hạn: 15,75%/năm.
- Tài sản thế chấp cho khoản vay trên: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 623, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại địa chỉ: 8 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CC 971700, sổ vào sổ cấp GCN: CS00221 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 07/04/2016 cho ông Trương Công D đứng tên chủ sở hữu. Tài sản trên được thế chấp tại Ngân hàng N3 để đảm bảo cho ông Trương Công D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6140-LCL-202100596 ngày 23/04/2021, công chứng tại Văn phòng C, số công chứng: 001641, quyền số: 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 27/04/2021.

Từ lúc vay cho đến nay, ông Trương Công D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng và tiền lãi 57.218.545 (Năm mươi bảy triệu hai trăm mười tám nghìn năm trăm bốn mươi lăm) đồng.

Tính đến ngày 24/9/2024, ông Trương Công D còn nợ Ngân hàng số tiền là 315.013.069 (Ba trăm mười lăm triệu không trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng; trong đó:

+ Nợ gốc: 264.000.000 (Hai trăm sáu mươi bốn triệu) đồng;

+ Nợ lãi: 51.013.069 (Năm mươi một triệu không trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng;

Nay Ngân hàng N3 khởi kiện yêu cầu buộc ông Trương Công D thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 315.013.069 (Ba trăm mười lăm triệu không trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất được thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu ông Trương Công D không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 623, tờ bản đồ số: 22, tọa lạc tại địa chỉ: 8 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CC 971700, số vào sổ cấp GCN: CS00221 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 07/04/2016 để trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Trương Công D vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Trương Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn ông Trương Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng N3 với ông Trương Công D là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại 8 ấp X, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn Trương Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ cho ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không có mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 23/04/2021, ông Trương Công D do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên có ký với Ngân hàng N3 hợp đồng tín dụng với số tiền vay là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng và tiền lãi 57.218.545 (Năm mươi bảy triệu hai trăm mười tám nghìn năm trăm bốn mươi lăm) đồng. Do ông D vi phạm cam kết không thực hiện việc thanh toán như hợp đồng đã thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình tố tụng, do bị đơn Trương Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa để cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn Trương Công D không thanh toán tiền cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng N3 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Công D thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 315.013.069 (Ba trăm mười lăm triệu không trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng, bao gồm nợ gốc 264.000.000 (Hai trăm sáu mươi bốn triệu) đồng và nợ lãi 51.013.069 (Năm mươi một triệu không trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi tiếp tục phát sinh tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất được thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu ông D không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Trương Công D vẫn phải tiếp

tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Bị đơn Trương Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có lời khai, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn Trương Công D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 292, 298, 299, 317, 318, 320, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N3:

Buộc ông Trương Công D phải thanh toán cho Ngân hàng N3 số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 315.013.069 (Ba trăm mười lăm triệu không trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh tiếp tục được tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất được thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi ông Trương Công D trả xong khoản nợ cho Ngân hàng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông Trương Công D không thanh toán được nợ thì Ngân hàng N3 có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 623, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại địa chỉ: 8 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CC 971700, số vào sổ cấp GCN: CS00221 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 07/04/2016 cho ông Trương Công D đứng tên chủ sở hữu để trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Trương Công D vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Ông Trương Công D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.750.653 (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba) đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 6.832.648 (Sáu triệu tám trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng cho Ngân hàng N3 theo biên lai thu tiền số 0008232 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hoa